

PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BỘ
LÀO CAI

Kính thưa: - Đoàn Chủ Tịch
- Thưa toàn thể đại hội

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, thay mặt phòng Kế toán, tôi xin trình bày toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với các nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần đường bộ Lào Cai hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, ngành nghề chủ yếu: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, sản xuất, sửa chữa, lắp đặt các phụ kiện công trình đường bộ; khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng công trình giao thông. Xây dựng, tái thiết và sửa chữa lớn công trình giao thông đường bộ; cho thuê máy thi công công trình, cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc.

1.1. Quy mô hoạt động kinh doanh

Công ty có vốn điều lệ là: 11.386.890.000 đồng (*Mười một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*). Được chia thành 1.138.689 cổ phần phổ thông, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 đồng (VND).

II. CƠ SỞ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

2.1. Nguồn tài liệu phân tích

Báo cáo tài chính năm, gồm các báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán	Mẫu số B 01 – DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B 02 – DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B 03 – DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B 09 – DN

2.1.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		65.997.467.486	49.395.500.619
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.050.078.259	1.154.037.821
1. Tiền	111	V.01	7.050.078.259	454.037.821
2. Các khoản tương đương tiền	112			700.000.000

II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.851.681.167	24.241.870.351
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		27.368.509.646	24.177.639.438
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		267.247.071	43.377.761
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	215.924.450	20.853.152
IV - Hàng tồn kho	140		31.095.708.060	23.999.592.447
1. Hàng tồn kho	141	V.04	31.095.708.060	23.999.592.447
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		6.006.818.221	6.656.796.707
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-114.720.650	
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		-114.720.650	
II - Tài sản cố định	220		6.097.932.871	6.528.126.707
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.097.932.871	6.528.126.707
- Nguyên giá	222		11.149.303.365	12.411.923.401
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		-5.051.370.494	-5.883.796.694
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	0
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-40.000.000	-40.000.000
III - Bất động sản đầu tư	230	V.12		
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240			
V - Các khoản đầu tư tài chính	250			
VI - Tài sản dài hạn khác	260		23.606.000	128.670.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	23.606.000	128.670.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		72.004.285.707	56.052.297.326

C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		60.067.399.108	44.415.410.727
I - Nợ ngắn hạn	310		60.067.399.108	44.415.410.727
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		315.556.136	941.196.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.986.000	18.986.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	3.033.208.830	769.979.953
4. Phải trả người lao động	314		20.005.493.320	11.794.476.620
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	355.583.333	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	32.233.858.795	26.652.561.971
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3.840.551.650	4.043.044.800
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		264.161.044	195.165.383
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II - Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		11.936.886.599	11.636.886.599
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.22	11.936.886.599	11.636.886.599
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.386.886.599	11.386.886.599
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		550.000.000	250.000.000
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		72.004.285.707	56.052.297.326

2.1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A	B	1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	57.183.982.456	38.544.236.920
2	Các khoản giảm trừ	02		95.692.728	995.240.908
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		57.088.289.728	37.548.996.012
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	50.941.239.724	32.894.926.428
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.147.050.004	4.654.069.584
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	29.796.380	46.544.692
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	306.079.307	171.760.885
	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		306.079.307	171.760.885
8	Chi phí bán hàng	25		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.857.799.950	3.453.853.597
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21-22) - (25+26) }	30		1.012.967.127	1.074.999.794
11	Thu nhập khác	31		532.002.131	192.072.957
12	Chi phí khác	32		7.207.745	9.497.751
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		524.794.386	182.575.206
14	Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30+40)	50		1.537.761.513	1.257.575.000
15	Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN				
16	Chi phí thuế thu nhập DN	51	VI.30	308.593.852	251.515.000
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.229.167.661	1.006.060.000

2.1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.1.4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Kết cấu của bản thuyết minh báo cáo tài chính gồm các phần:

- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
- Chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp
- Chi tiết một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính
- Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh

doanh của doanh nghiệp.

2.2. NỘI DUNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.2.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính

2.2.1.1. Phân tích tình hình tài chính thông qua bảng cân đối kế toán:

BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG QUÁT

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	NĂM 2017		NĂM 2016		BIẾN ĐỘNG	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Mức tăng, giảm	Tỷ lệ (%)
TÀI SẢN	72.004.285.707	100	56.052.297.326	100	15.951.988.381	28,45
A- Tài sản ngắn hạn	65.997.467.486	91,66	49.395.500.619	88,12	16.601.966.867	29,61
B-Tài sản dài hạn	6.006.818.221	8,34	6.656.796.707	11,88	(649.978.486)	-1,16
NGUỒN VỐN	72.004.285.707	100	56.052.297.326	100	15.951.988.381	28,45
A- Nợ phải trả	60.067.399.108	83,42	44.415.410.727	79,24	15.651.988.381	27,92
B- Vốn chủ sở hữu	11.936.886.599	16,58	11.636.886.599	20,76	300.000.000	0,53

Căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối kế toán của công ty vào ngày 31/12/2017, ta thấy quy mô về tổng tài sản và vốn của công ty năm 2017 so với năm 2016 tăng 28,45% tương ứng 15.951.988.381 đồng.

*** Về tài sản:** Tăng chủ yếu là đầu tư vào tài sản ngắn hạn tăng 16.601.966.867 đồng, tương ứng tăng 29,61%. Nguyên nhân do các khoản phải thu ngắn hạn (phải thu của khách hàng) và hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) tăng lên khá cao.

- Về cơ cấu tài sản ngắn hạn của công ty chiếm tỷ trọng khá cao, cụ thể năm 2016 là 49.395.500.619 đồng chiếm 88,12% trên tổng tài sản, và năm 2017 là 65.997.467.486 đồng chiếm 91,66% trên tổng tài sản (tỷ trọng trên tài sản ngắn hạn tăng 3,54% so với năm trước).

- Ngược lại tài sản dài hạn của công ty năm 2017: Về cơ cấu tài sản dài hạn của công ty, năm 2016 là 6.656.796.707 đồng chiếm 11,88% trên tổng tài sản, và năm 2017 là 6.006.818.221 đồng, chiếm 8,34% trên tổng tài sản. So với năm 2016 giảm 649.978.486 đồng, tương ứng (tỷ trọng trên tài sản dài hạn giảm 3,54% so với năm trước). Nguyên nhân do các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm (tài sản cố định giảm).

Như vậy: Mức độ tăng tổng tài sản năm 2017 so 2016 tương đối cao 15.951.988.381 đồng (28,45%). Với mức độ, cơ cấu, tỷ trọng về tài sản ngắn hạn của công ty chiếm tỷ trọng khá cao trên thể hiện sự chủ động, dễ dàng chuyển đổi, tính thanh khoản cao, không bị phụ thuộc vào các yếu tố đầu tư dài hạn. Điều này cho thấy Công ty phát triển theo chiều hướng tốt, với quy mô sản xuất ngày càng tăng.

Tuy nhiên hiện nay chênh lệch tỷ trọng giữa cơ cấu, tỷ trọng về tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn khá cao, trong năm tới cần tăng thêm đầu tư vào tài sản cố định, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh để đảm bảo cơ cấu, tỷ trọng hợp lý hơn, chú trọng nhiều đến đầu tư tài chính dài hạn.

***Xét về nguồn vốn:**

Nguồn vốn năm 2017 so với năm 2016 tăng 15.951.988.381 đồng, tương ứng tăng 28,45%. Nguyên nhân do các khoản nợ ngắn hạn tăng lên.

- Về cơ cấu nợ phải trả cụ thể năm 2016 là 44.415.410.727 đồng chiếm 79,24% trên tổng nguồn vốn, và năm 2017 là 60.067.399.108 đồng chiếm 83,42% trên tổng nguồn vốn (tỷ trọng trên nợ phải trả tăng 4,18% so với năm trước), trong đó tỷ trọng nợ vay ngân hàng, nợ thuế, các khoản đóng góp năm 2017 giảm so năm 2016, điều đó đã chứng minh khả năng tài chính để trang trải, trả nợ các khoản nợ ngắn hạn, đảm bảo quyền lợi và thu nhập của người lao động.

- Về cơ cấu vốn chủ sở hữu năm 2016 là 11.636.886.599 đồng chiếm 20,76% trên tổng nguồn vốn, và năm 2017 là 11.936.886.599 đồng chiếm 16,58% trên tổng nguồn vốn (tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên nợ phải trả giảm 4,18% so với năm trước).

Như vậy: Với cơ cấu, tỷ trọng của nguồn vốn chủ sở hữu giảm cho thấy mặc dù vốn chủ sở hữu tăng rất nhỏ (bổ sung quỹ đầu tư phát triển 300.000.000 đồng so năm 2016), trong khi vốn góp của chủ sở hữu không tăng, với mức tăng chi phí và doanh thu có nghĩa mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tăng nhưng vẫn không cần tăng vốn chủ sở hữu, việc kinh doanh đảm bảo hiệu quả.

Trên đây chỉ là cơ sở đánh giá tổng quát tình hình tài chính thông qua bảng cân đối kế toán là phân tích kết cấu các loại vốn, nguồn vốn. Thông qua đó có thể đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo năm 2017.

2.2.1.2. Phân tích tình hình tài chính thông qua bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

**BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ TIÊU
TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2016		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Mức tăng giảm	Tỷ trọng (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.183.982.456	100	38.544.236.920	100	18.639.745.536	48,36
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	95.692.728		995.240.908		(899.548.180)	-90,38
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	57.088.289.728	100	37.548.996.012	100	19.539.293.716	52,03
4. Giá vốn hàng bán	50.941.239.724	89,2	32.894.926.428	87,6	18.046.313.296	54,86
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	6.147.050.004	10,8	4.654.069.584	12,4	1.492.980.420	32, 08
6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.796.380		46.544.692		(16.748.312)	
7. Chi phí tài chính	306.079.307		171.760.885		134.318.422	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	306.079.307		171.760.885		134.318.422	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.857.799.950		3.453.853.597		1.403.946.353	
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(24+25)]	1.012.967.127		1.074.999.794		(62.032.667)	
11. Thu nhập khác	532.002.131		192.072.957		339.929.174	
12. Chi phí khác	7.207.745		9.497.751		(2.290.006)	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	524.794.386		182.575.206		342.219.180	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	1.537.761.513		1.257.575.000		280.186.513	22,28
15. Chi phí thuế TNDN	308.593.852		251.515.000		57.078.852	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	1.229.167.661		1.006.060.000		223.107.661	22,17
18. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp chủ sở hữu	10,79%		8,83%		1,96%	

- Qua bảng phân tích bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ta thấy toàn bộ các chỉ tiêu năm 2017 đều tăng so năm 2016, cụ thể doanh thu tăng, giá vốn tăng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết quả cuối cùng được thể hiện tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 tăng so với năm 2016 là 280.186.513 đồng, tương ứng tăng 22,28 %, lợi nhuận năm sau luôn lớn hơn lợi nhuận của năm trước điều đó đã thấy được tình hình kinh doanh của công ty đang được mở rộng và kinh doanh có hiệu quả trong điều kiện nhà nước còn nợ tiền khối lượng, dẫn đến vốn phải đi vay ngân hàng và nợ công nhân viên chức, nợ thuế... ở mức độ cho phép.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu: Năm 2017: 10,79%; năm 2016: 8.83%, tăng 1,96%

2.2.1.3. Phân tích tỷ lệ chi trả cổ tức

- Năm 2017: 683.208.000đ; năm 2016: 569.300.000đ, tăng : 113.908.000đ, tương ứng với tỷ lệ tăng 20%

2.2.1.4. Phân tích các chỉ tiêu khác: Thu nộp ngân sách, tổng quỹ lương, thu nhập bình quân

+ Tình hình thu nộp ngân sách nhà nước:	Năm 2017	Năm 2016
- Số phải nộp:	4.394.070.670	2.988.468.161
- Số đã nộp:	2.130.841.793	1.650.533.826

Số phải nộp tăng so với năm 2016: 1.405.602.509đ, tương ứng tăng 47%;

Số đã nộp tăng so với năm 2016: 480.307.967đ, tương ứng tăng 29%

+ Tổng quỹ lương:

Năm 2017: 16.906.217.000đ; năm 2016: 10.945.073.900đ, tăng : 5.961.143.100đ, tương ứng tăng 54%

+ Thu nhập bình quân người lao động/tháng

Năm 2017: 7.700.000đ/người/tháng; năm 2016: 7.350.000đ/người/tháng, tăng: 350.000đ, tương ứng tăng 5%.

Tóm lại: Phân tích hoạt động tài chính năm 2017 của công ty có thể đánh giá tổng quát như sau:

*** Kết quả đạt được:**

- Các chỉ tiêu kinh tế năm 2017 đều tăng so năm 2016, cụ thể doanh thu tăng, lợi nhuận tăng điều đó đã thấy được tình hình kinh doanh của Công ty đang được mở rộng và kinh doanh có hiệu quả trong điều kiện khó khăn nhờ có sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo, sự nỗ lực đồng tâm, hiệp lực của cán bộ CNVC, người lao động và của tập thể Công ty. Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, nổi bật ở một số chỉ tiêu:

- + Quyền lợi, đời sống, việc làm được đảm bảo ổn định;
- + Thu nhập bình quân tăng; tạo thêm phúc lợi cho người lao động;
- + Đảm bảo nghĩa vụ đóng góp với nhà nước và các tổ chức xã hội;

*** Kiến nghị, giải pháp:**

+ Các khoản phải thu ngắn hạn (phải thu của khách hàng) và hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) khá cao, trong năm tới đề nghị Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo, các phòng ban, quan tâm phối hợp, tập trung nhân lực, máy móc thiết bị, đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các công trình, hạng mục. Công ty có giải pháp tăng cường mối quan hệ, làm việc với các cơ quan, Ban, ngành để bổ sung vốn kịp thời cho các công trình, sớm thu hồi vốn, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả cao hơn.

+ Trong thời gian tới cần có chủ trương đầu tư thêm tài sản cố định (tăng đầu tư dài hạn) để đảm bảo tính chất cân đối về tài sản, tăng năng lực máy móc thiết bị cho Công ty.

+ Trích lợi nhuận để tăng bổ sung hàng năm cho quỹ đầu tư phát triển để tăng nguồn vốn, mở rộng SXKD của Công ty có chiến lược phát triển dài hạn bền vững hơn.

+ Các năm tới có thể chi trả cổ tức bằng cổ phiếu bằng cách phát hành cổ phiếu, nhằm mục đích để tăng số cổ phần cho các cổ đông, tăng vốn điều lệ của Công ty, hạn chế được khoản nộp thuế thu nhập cá nhân khi chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

Kính thưa: Đại hội

Trên đây là khái quát nội dung về tình hình hoạt động tài chính của Công ty năm 2017, là tiền đề để Công ty tiếp tục sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả năm 2018. Trước mắt còn rất nhiều khó khăn thử thách, rất mong được các đồng chí trong Ban lãnh đạo, cán bộ CNVC tạo điều kiện, ủng hộ, giúp đỡ để Phòng kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cuối cùng xin kính chúc các đồng chí mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Lào Cai, ngày 15 tháng 4 năm 2018

PHÒNG TCKT

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Loan

Cù Kiên Quyết